***Ngày soạn: .................................................***

***Ngày giảng: ...............................................***

**Tiết 42, Bài 36: ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM**

**Mục tiêu:**

**1) Kiến thức:**

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất VN: Đa dạng, phức tạp. Các

nhóm đất chính: Nhóm đất feralit đồi núi thấp, nhóm đất mùn núi cao, nhóm đất phù sa.

- Nắm được đặc tính,sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta. Nêu được một số vấn đề lớn trong sử dụng và cải tạo đất ở VN

**2) Kỹ năng:**

- Phân tích bản đồ đất VN, phân tích bảng số liệu về tỉ lệ 3 nhóm đất chính **3)Thái độ:** Yêu thiên nhiên quê hương đất nước

1. **Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1)Giáo viên:**

- Bản đồ đất VN

- Ảnh phẫu diện đất hoặc mẫu đất tại địa phương - Tranh ảnh về việc sử dụng đất.

**2) Học sinh**: Chuẩn bị như nội dung dặn dò ở tiết trước

1. **Hoạt động trên lớp**

**1) Ổn định:**

**2.Kiểm tra:**

**3) Bài mới: *\*Khởi động:*** Đất (thổ nhưỡng) do nhiều nhân tố hình thành. Đất còn làtư liệu sản xuất chính từ lâu đời đối với sản xuất nông - lâm nghiệp. Đất ở nước ta đã được nhân dân sử dụng, cải tạo và phát triển thành nguồn tài nguyên vô cùng quý giá.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | |  |  | **Ghi bảng** | | | | |
| **\* HĐ1:** Cặp bàn. Dựa vào thông tin sgk | |  | **1) Đặc điểm chung của đất Việt Nam:** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| mục 1.a + H36.1 + H 36.2 Hãy cho biết: | |  | **a) Đất nước ta rất đa dạng, thể hiện rõ** | | | | | |
| 1) Đất nước ta đa dạng, phức tạp như | |  | **tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của** | | | | | |
| thế nào? |  |  | **thiên nhiên Việt Nam:** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 2) Những nhân tố nào đã ảnh hưởng đến | |  | - Nước ta có nhiều loại đất khác nhau: | | | | | |
| sự hình thành đất? Lấy VD CM? | |  | Đất feralit, đất phù sa, đất mùn núi cao. | | | | | |
| **\* HĐ2:** Nhóm. Dựa thông tin mục 1.b | |  | -Tầng phong hóa dày, giàu chất dinh | | | | | |
| điền tiếp kiến thứcvào bảng sau | |  | dưỡng | |  |  |  |  |
| - Nhóm 1+2: Đất Feralit | |  | - NN: Do nhiều nhân tố tạo thành: Đá | | | | | |
| - Nhóm 1+2: Đất Mùn | |  | mẹ, địa hình, khí hậu, thuỷ văn, sinh vật | | | | | |
| - Nhóm 1+2: Đất Bồi tụ phù sa | |  | và sự tác động của con người. | | | | | |
|  |  |  | **b) Nước ta có 3 nhóm đất chính:** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  | | | |
| **Nhóm** | **Đất Feralit** |  |  | **Đất mùn** | **Đất bồi tụ phù sa** | | | |
| **đất** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  | | | |
| Nơi phân | Vùng đồi núi thấp | |  | Trên núi cao | Vùng đồng bằng, | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* | | |  |  |  |  | *Trang 158* | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| bố |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ven biển | | |  |  |  |
| Tỉ | lệ | 65% |  |  |  | 11% | | |  |  |  | 24% | |  |  |  |  |
| diện tích | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | | |  |  |  |  | | |  |  |  | |  |  |  |
| Đặc | tính | -Chua, nghèo chất dinh dưỡng, | | |  | - |  | Hình thành | | |  | - | Chiếm | | diện | tích |  |
| chung và | | nhiều sét. | |  |  | dưới rừng cận | | | | |  | rộng lớn, phì nhiêu: | | | | |  |
| giá trị sử | | - Đất có màu đỏ vàng do chứa | | |  | nhiệt đới hoặc | | | | |  | Tơi, | | xốp, | ít chua, | |  |
| dụng. | | nhiều hợp chất sắt, nhôm,thường | | |  | ôn đới. | | | |  |  | giàu mùn… | | | |  |  |
|  |  | tích tụ kết vón thành đá ong => | | |  | - Có giá trị lớn | | | | |  | - | Chia thành nhiều | | | |  |
|  |  | Đất xấu ít có giá trị đối với trồng | | |  | đối | | | với | việc |  | loại, phân bố ở nhiều | | | | |  |
|  |  | trọt. | |  |  | trồng | | | và | bảo |  | nơi: | | Đất | trong | đê, |  |
|  |  | - Đất hình thành trên đá Badan, | | |  | vệ | | rừng | | đầu |  | đất ngoài đê, đất phù | | | | |  |
|  |  | đá vôi có màu đỏ sẫm hoặc đỏ | | |  | nguồn | | | |  |  | sa ngọt, đất mặn, đất | | | | |  |
|  |  | vàng, có độ phì cao, thích hợp | | |  |  |  |  |  |  |  | chua phèn… | | | |  |  |
|  |  | với nhiều loại cây công nghiệp. | |  |  |  |  |  |  |  |  | - | Nhìn chung | | | rất |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | thích | | hợp | trồng | lúa, |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | hoa màu và cây ăn | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | quả, cây công nghiệp | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ngắn ngày… | | | |  |  |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| \* HĐ3: Cá | | nhân. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1) Đất có phải là tài nguyên vô tận | | |  | **2) Vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở Việt** | | | | | | | | | | | | |  |
| không? Tại sao? | | |  | **Nam:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  | | | |  | | | | | |  |
|  |  |  |  | a.Vai trò- Đất là tài nguyên hết sức quý | | | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  |  | giá. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | b- Thực trạng: | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2) Thực trạng việc sử dụng đất ở địa | | |  | + Nhiều vùng đất được cải tạo và được sử | | | | | | | | | | | | |  |
| phương chúng ta hiện nay như thế nào? | | |  | dụng có hiệu quả. | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | + Tuy nhiên vẫn còn nhiều điều chưa hợp | | | | | | | | | | | | |  |
| 3) Chúng ta đã làm những gì để bảo vệ | | |  | lí, tài nguyên đất bị giảm sút : 50% diện | | | | | | | | | | | | |  |
| tài nguyên đất? | | |  | tích đất tự nhiên cần cải tạo,đất trống, đồi | | | | | | | | | | | | |  |
|  |  |  |  | trọc bị xói mòn tới >10 triệu ha | | | | | | | | | | |  |  |  |
| 4) Hãy giải thích câu tục ngữ, ca dao | | |  | c- Biện pháp bảo vệ: | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |
| sau:: |  |  |  | + Sử dụng đất hợp lí, có hiệu quả, có biện | | | | | | | | | | | | |  |
| "Tấc đất, tấc vàng". | | |  | pháp bảo về đất: chống xói | | | | | | | | | | | mòn,rửa | |  |
| "Ai ơi! Chớ bỏ ruộng hoang. Bao nhiêu | | |  | trôi,bạc màu | | | | | | vùng đồi núi; cải tạo chua | | | | | | |  |
| tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu!" | | |  | mặn, phèn ở vùng đồng bằng ven biển | | | | | | | | | | | |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4) Củng cố**

2.1) So sánh 3 nhóm đất chính về đặc tính, nơi phân bố và giá trị sử dụng?

2.2) Tại sao chúng ta cần phải sử dụng hợp lí và đi đôi với việc cải tạo, chăm sóc và bảo vệ đất trồng?

**5) Hoạt động nối tiếp:**

- Trả lờicâu hỏi, bài tập sgk/129

*GV: Nguyễn Văn Chung* *Trang 159*

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

1. Làm bài tập 37 bản đồ thực hành.
2. Nghiên cứu bài 38 sgk/130.
3. Nêu đặc điểm chung của sinh vật VN?
4. Xác định các kiểu hệ sinh thái rừng và chỉ rõ sự phân bố trên bản đồ sinh vật Việt Nam?
5. Xác định dọc lãnh thổ VN từ Bắc -> Nam có những vườn rừng quốc gia nào?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*